*Ngày soạn:………………*

*Ngày dạy:………………..*

**Tiết 67. ÔN TẬP CUỐI NĂM**

**I. Mục tiêu**:

***Sau khi học xong bài này, HS cần:***

\* **Về kiến thức**: Ôn tập chủ yếu các kiến thức của chương I về hệ thức lượng trong tam giác vuông và tỉ số lượng giác của góc nhọn.

\* **Về kỹ năng**: Rèn luyện cho học sinh kỹ năng phân tích, trình bày bài toán

Vận dụng kiến thức đại số vào hình học

***\* Thái độ***

- Nghiêm túc và hứng thú học tập.

***\* Định hướng năng lực***

- Năng lực tính toán,

- Năng lực giải quyết vấn đề,

- Năng lực hợp tác.

- Năng lực ngôn ngữ.

- Năng lực giao tiếp.

- Năng lực tự học.

**Phẩm chất:** Tự tin, tự chủ

**II. Chuẩn bị**:

- Gv : Thước, compa, thước đo góc, bảng phụ , phấn màu, bút dạ

- Hs: Thước, compa, thước đo góc

**III. Tiến trình dạy học**:

**1. Ổn định** :(1 phút)

**2.Kiểm tra bài cũ** : (*Kết hợp trong bài*).

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV** | **HOẠT ĐỘNG CỦA HS** | **KIẾN THỨC CẦN ĐẠT** |
| ***Hoạt động 1: Ôn tập lý thuyết thông qua bài tập trắc nghiệm – 10p***  - ***Mục tiêu:*** - HS ôn lại các kiến thức đã học trong chương Hệ thức lượng  - ***PP:*** Vấn đáp, thuyết trình | | |
| Các khẳng định sau đúng hay sai? Nếu sai hãy sửa lại cho đúng.   * + - 1. b2 + c2 = a2       2. h2 = bc’       3. c2 = ac’       4. bc = ha       6. SinB = cos(900 - ∠B)       7. b = a.cosB       8. c = b.tgC | Học sinh lần lượt trả lời miệng. | Cho hình vẽ.   1. Đúng 2. sai, sửa: h2 = b’.c’ 3. Đúng 4. Đúng 5. Sai, sửa 6. Đúng 7. Sai, sửa là b = a.sinhB 8. Đúng |
| ***Hoạt động 2: Luyện tập – 30p***  - ***Mục tiêu:*** HS vận dụng linh hoạt các bài toán tổng hợp về đường tròn.  - ***Phương pháp:*** Nêu vấn đề, phát vấn, hoạt động nhóm. | | |
| Bài 2 tr 134 sgk  Giáo viên đưa đề và hình vẽ lên bảng phụ  Nếu AC = 8 thì AB bằng   1. 4 2. 4 3. 4 4. 4   Bài 3 trang 134 sgk  Đề bài và hình vẽ đưa lên bảng phụ.  Tính độ dài trung tuyến BN.  GV gợi ý:  - Trong tam giác vuông CBN có CG là đường cao, BC = a  Vậy BN và BC có quan hệ gì?  - G là trọng tâm của tam giác CBA, ta có điều gì?  - Hãy tình BN theo a  **Bài 5** tr 134 sgk  đề bài đưa lên bảng phụ.  GV gợi ý: Gọi độ dài AH là x (cm)  ĐK: x > 0  - Hãy lập hệ thức lien hệ giữa x và các đoạn thẳng đã biết.  - Giải phương trình tìm x? | Học sinh nêu cách làm.  Học sinh phát biểu.  Có BG.BN = BC2 (hệ thức lượng trong tam giác vuông )  Hay BG.BN = a2  Có BG = 2/3BN  Suy ra:  BN =  Học sinh phát biểu các giải bài tập. | Hạ AH⊥BC  ΔAHC có  ∠H = 900;  ∠C = 300  ⇒AH = AC/2 = 8/2 = 4  ΔAHB có ∠H = 900;∠C = 450  ⇒ΔAHB là tam giác vuông cân  ⇒AB = 4    **Bài 3:**  Có BG.BN = BC2 (hệ thức lượng trong tam giác vuông )  Hay BG.BN = a2  Có BG = 2/3BN  ⇒  ⇒  ⇒BN =  **Bài 5;** tr 134  Theo hệ thức lượng trong giác vuông thì:  CA2 = AH.AB  152=x(x + 16)  x2+16x+225=0  Giải phương trình ta có  x1 = - 25 (loại); x2 = 9 (TMĐK)  Độ dài AH = 9 (cm)  ⇒AB = 9 + 16 = 25cm  Có CB =  Vậy SABC = 150 cm2 |
| **3*: Tìm tòi, mở rộng*** (2 phút)  - ***Mục tiêu:*** - HS chủ động làm các bài tập về nhà để củng cố kiến thức đã học.  - HS chuẩn bị bài mới giúp tiếp thu tri thức sẽ học trong buổi sau.  - ***Kĩ thuật sử dụng:*** Kĩ thuật viết tích cực | | |
| GV: Giao nội dung và hướng dẫn việc làm bài tập ở nhà.  Học sinh ghi vào vở để thực hiện. | **Bài cũ**   * Xem lại bài học * Làm các bài trong SGK / 134, 135   -Tiết sau tiếp tục ôn tập về đường tròn  -Học sinh ôn lại các khái niệm, định nghĩa, định lí của chương II và chương III  -Bài tập về nhà số 6,7 sgk và 5;6;7 sbt  **Bài mới**   * Chuẩn bị tiết 68: Ôn tập cuối năm | |

*Ngày soạn:………………*

*Ngày dạy:………………..*

**Tiết 68. ÔN TẬP CUỐI NĂM**

**I. Mục tiêu**:

***Sau khi học xong bài này, HS cần:***

\* **Kiến thức:** Ôn tập hệ thống hoá các kiến thức cơ bản về đường tròn và góc với đường tròn

**\* Kỹ năng:** Rèn luyện cho học sinh kỹ năng giải bài tập dạng trắc nghiệm và tự luận.

***\* Thái độ***

- Nghiêm túc và hứng thú học tập.

***\* Định hướng năng lực***

- Năng lực tính toán,

- Năng lực giải quyết vấn đề,

- Năng lực hợp tác.

- Năng lực ngôn ngữ.

- Năng lực giao tiếp.

- Năng lực tự học.

**Phẩm chất:** Tự tin, tự chủ

**II. Chuẩn bị**:

- Gv : Thước, compa, thước đo góc, bảng phụ , phấn màu, bút dạ

- Hs: Thước, compa, thước đo góc

**III. Tiến trình dạy học**:

**1. Ổn định** :(1 phút)

**2. Bài mới**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Hoạt động của GV** | **Hoạt động của HS** | **Kiến thức cần đạt** |
| ***Hoạt động 1: Ôn tập lý thuyết thông qua bài tập trắc nghiệm – 22p*** | | |
| **Bài 1:** Hãy điền tiếp vào dấu (...) để được khẳng định đúng.   1. Trong một đường tròn, đường kính vuông góc với một dây thì ... 2. Trong một đường tròn, hai dây bằng nhau thì ... 3. Trong một đường tròn, dây lớn hơn thì... 4. Một đường thẳng là tiếp tuyến của một đường tròn nếu ... 5. Hai tiếp tuyến của một đường tròn cắt nhau tại một điểm thì ... 6. Nếu hai đường tròn cắt nhau thì đường nối tâm là ... 7. Một tứ giác nội tiếp đường tròn nếu có ... 8. Quỷ tích các điểm cùng nhìn một đoạn thẳng cho trươngcs dưới một góc ∝ không đổi là ..   **Bài 2**: Cho hình vẽ    **Bài tập 3:**  Hãy ghép một ô ở cột trái với một ô ở cột phải để được công thức đúng. | Học sinh lần lượt đứng tại chỗ trả lời miệng.  Học sinh lần lượt điền kết quả vào dấu .... để được những kết quả đúng.  a) sđ∠AOB = ...  b) ... = 1/2sđ  c) sđ ∠ADB = ...  d) sđ∠FIC = ...  e) sđ ∠ ..... = 900  Một học sinh lên ghép ô:  a 🡒 2  b 🡒 4  c 🡒 1  d 🡒 9 | 1. Đi qua trung điểm của dây và đi qua điểm chính giữa của cung căng dây. 2. Cách đều tâm và ngược lại. Căng hai cung bằng nhau và ngược lại 3. Gần tâm hơn và ngược lại. Căng cung lớn hơn và ngược lại. 4. Chỉ có một điểm chung với đường tròn. Hoặc thoả mãn hệ thức d = R. Hoặc đi qua một điêm của đường tròn và vuông góc với bán kính đi qua điểm đó. 5. Điểm đó cách đều hai tiếp điểm. Tia kẻ từ điểm đó đi qua tâm là tia phân giác của góc tạo bởi hai tiếp tuyến. Tia kẻ từ tâm đi qua điểm đó là phân giác của góc tạo bởi hai bán kính đi qua các tiếp điểm. 6. Trung trực của dây chung. 7. Một trong các điều kiện sau:    * Có tổng hai góc đối diện bằng 1800.    * Có tổng góc ngoài tại một đỉnh bằng góc trong ở đỉnh đối diện.    * Có 4 đỉnh cách đều một điểm.    * Có hai đỉnh kề nhau cùng nhìn cạnh chứa hai đỉnh còn lại dưới cùng một góc ∝ 8. Hai cung chứa góc ∝ đựng trên đoạn thẳng đó (00 < ∝ < 1800)  |  |  | | --- | --- | | a) S(O;R) | 1) | | b) C(O; R) | 2) πR2 | | c) lcung tròn n độ | 3) | | d) Shình quạt n độ | 4) 2πR | |  | 5) | |
| ***Hoạt động 2: Luyện tập – 20p***  - ***Mục tiêu:*** HS vận dụng linh hoạt các bài toán tổng hợp về đường tròn.  - ***Phương pháp:*** Nêu vấn đề, phát vấn, hoạt động nhóm. | | |
| **Bài tập 7**: Sách giáo khoa  a) Chứng minh BD.CE không đổi.  b) Chứng minh:  ΔBOD ∽ ΔOED  suy ra DO là phân giác ∠BDE.  c) Vẽ đường tròn (O) tiếp xúc với AB. Chứng minh rằng (O) luôn tiếp xúc với DE.  Vẽ đường tròn (O) tiếp xúc với AB tại H. Tại sao đường tròn này luôn tiếp xúc với DE? | Học sinh nêu cách chứng minh:  Ta cần chứng minh:  ΔBDO ∽ ΔCOE  Học sinh lên bảng trình bày cách chứng minh câu a.  ΔBOD ∽ ΔOED tại sao lại đồng dạng với nhau?  Yêu cầu học sinh khác lên bảng trình bày.  Học sinh nêu cách chứng minh | a) Xét ΔBDO và ΔCOE  ∠B = ∠C = 600 (vì tam giác ABC đều)  ∠BOD + ∠O3 = 1200  ∠BOD + ∠O3 = 1200  suy ra: ∠BOD = ∠OEC  Suy ra: ΔBDO ∽ ΔCOE (g.g)    (không đổi)  b) Vì ΔBDO ∽ ΔCOE (cm trên)  Mà CO = OB (gt)    Lại có: ∠B = ∠DOE = 600  ⇒ΔBOD ∽ ΔOED (c.g.c)  ⇒∠D1 = ∠D2  Vậy DO là phân giác ∠BDE.  c) Đường tròn (O) tiếp xúc với AB tại H ⇒AB ⊥ OH  Từ O vẽ OK⊥DE. Vì O thuộc phân giác ∠BDE nên OK = OH suy ra K∈(O;OH)  Có DE ⊥ OK suy ra DE luôn tiếp xúc với đường tròn (O) |
| ***Hướng dẫn về nhà (2p)***  - ***Mục tiêu:*** - HS chủ động làm các bài tập về nhà để củng cố kiến thức đã học.  - HS chuẩn bị bài mới giúp tiếp thu tri thức sẽ học trong buổi sau.  - ***Kĩ thuật sử dụng:*** Kĩ thuật viết tích cực | | |
| - Ôn tập lí thuyết chương II và chương III  - Bài tập trong SGK | | |

*Ngày soạn:………………*

*Ngày dạy:………………..*

**Tiết 69: ÔN TẬP CUỐI NĂM**

**I. Mục tiêu**:

***Sau khi học xong bài này, HS cần:***

1. ***Kiến thức***

- Tiếp tục hệ thống hóa lại kiến thức về đường tròn, tam giác đồng dạng, đường phân giác của tam giác.

- Vận dụng các kiến thức đó vào giải toán về chứng minh tứ giác nội tiếp, tích độ dài đoạn thẳng, tam giác đồng dạng ...

1. ***Kỹ năng***

* Vẽ hình chính xác, cẩn thận, trình bày bài khoa học, rõ ràng.

1. ***Thái độ*Phẩm chất:**

- Nghiêm túc và hứng thú học tập.

***4. Định hướng năng lực***

- Năng lực tính toán,

- Năng lực giải quyết vấn đề,

- Năng lực hợp tác.

- Năng lực ngôn ngữ.

- Năng lực giao tiếp.

- Năng lực tự học.

Tự tin, tự chủ

**II. Chuẩn bị**:

- Gv : Thước, compa, bảng phụ , phấn màu, bút dạ

- Hs: Thước, compa, thước đo góc

**III. Tiến trình dạy học**:

**1. Ổn định** :(1 phút)

**2.Kiểm tra bài cũ** : (*Kết hợp trong bài*).

**3.Bài mới**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Hoạt động của Gv** | **Hoạt động của Hs** | **Kiến thức cần đạt** |
| **Hoạt động 1: Luyện tập (43 phút)**  - ***Mục tiêu:*** HS vận dụng linh hoạt kiến thức làm bài tập về đường tròn, các phương pháp chứng minh tứ giác nội tiếp và các bài toán tổng hợp về đường tròn.  - ***Phương pháp:*** Nêu vấn đề, phát vấn, hoạt động nhóm. | | |

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Bài 1 (Bảng phụ)  Cho đường tròn (O) có đường kính AB = 2R và điểm M thuộc đường tròn đó (M khác A, B). Lấy điểm D thuộc dây BM (D khác B, M). Tia AD cắt cung nhỏ BM tại điểm E, tia AM cắt tia BE tại điểm F.  a) Chứng minh tứ giác FMDE nội tiếp đường tròn.  b) Chứng minh DA.DE = DB.DM  c) Chứng minh .  - Gv yêu cầu 1hs lên bảng vẽ hình và trình bày câu 1  - GV gọi Hs chữa bài , nhận xét  ? Để chứng minh hệ thức DA.DE = DB.DM ta chứng minh gì ?  - GV gọi Hs chữa bài, nhận xét  - Gv cho Hs HĐN đôi chứng minh  (1 nhóm làm vào bảng phụ)  Gv yêu cầu nhóm chấm chéo  Gv chốt kiến thức  **Bài 2** (Bảng phụ)  Cho tam giác ABC vuông tại A, M là một điểm thuộc cạnh AC (M khác A và C ). Đường tròn đường kính MC cắt BC tại N và cắt tia BM tại I. Chứng minh rằng:  a) ABNM và ABCI là các tứ giác nội tiếp đường tròn.  b) NM là tia phân giác của góc .  c) BM.BI + CM.CA = AB2 + AC2.  - Yêu cầu học sinh đọc đề  bài và vẽ hình, nêu gt+kl  - Yêu cầu 2hs lên bảng trình bày câu a, các hs khác làm vào vở  - Gv gọi Hs nhận xét rồi đánh giá  - Gv chốt lại các cách c/m tứ giác nội tiếp  - Gv hướng dẫn hs làm câu b bằng sơ đồ phân tích ngược  - Gv cho hs hoạt động nhóm  (Gv chữa bài của nhóm làm nhanh nhất)  - Gv nhận xét, đánh giá  - Gv hướng dẫn hs làm câu c bằng sơ đồ phân tích ngược  - Gv gọi hs lên bảng chữa bài (Nếu còn thời gian)  - Gv đánh giá và chốt kiến thức | - Hs đọc bài  Hs lên bảng vẽ hình  - Hs làm bài  Hs nhận xét  - Hs trả lời câu hỏi và chứng minh  Hs chữa bài  Hs khác nhận xét  Hs HĐN làm bài  Các nhóm chấm chéo và nhận xét bài trên bảng  Hs chú ý lắng nghe và ghi nhớ  - Hs đọc bài  Hs lên bảng vẽ hình  - Hs làm bài  Hs nhận xét  - Hs lắng nghe  Hs cùng Gv phân tích bài toán  Hs HĐN làm bài  Hs nhận xét chéo  Hs chú ý lắng nghe và quan sát bài trên bảng  Hs cùng Gv xây dựng sơ đồ phân tích  - Hs lên bảng chữa bài  - Hs chú ý lắng nghe và hoàn thiện bài vào vở | **Bài 1** (19 phút)    a) Tứ giác FMDE có 2 góc đối  nên nội tiếp.  b) ΔAMD ~ ΔDEB (vì  cùng chắn )  =>  c) Ta có  (2 góc nội tiếp cùng chắn )  Mặt khác  (2 góc nội tiếp cùng chắn )  Mà ΔOMB cân tại O  => .  **Bài 2** (24 phút)     |  |  |  | | --- | --- | --- | | |  |  | | --- | --- | | a) Ta có:  (gt) (1)  (góc nội tiếp chắn nửa đường tròn)  (2)  Từ (1) và (2) => ABNM là tứ giác nội tiếp.  Tương tự, tứ giác ABCI có    ABCI là tứ giác nội tiếp đường tròn. |  | |   b) Tứ giác ABNM nội tiếp  (2 góc nội tiếp cùng chắn ) (3).  Tứ giác MNCI nội tiếp  =>  (2 góc nội tiếp cùng chắn cung ) (4).  Tứ giác ABCI nội tiếp  =>  (góc nội tiếp cùng chắn ) (5).  Từ (3),(4),(5) suy ra  NM là tia phân giác của .  c) Xét ∆BNM và ∆BIC có  chung    ∆BNM ~ ∆BIC (g.g)  BM.BI = BN . BC .  Tương tự ta có: CM.CA = CN.CB.  => BM.BI + CM.CA = BC2 (6).  Áp dụng định lí Pitago vào Δ ABC vuông tại A ta có:  BC2 = AB2 + AC2 (7).  Từ (6) và (7) suy ra điều phải chứng minh. |

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Hoạt động 2*: Giao việc về nhà*** (2 phút)  - ***Mục tiêu:*** - HS chủ động làm các bài tập về nhà để củng cố kiến thức đã học.  - HS chuẩn bị bài mới giúp tiếp thu tri thức sẽ học trong buổi sau.  - ***Kĩ thuật sử dụng:*** Kĩ thuật viết tích cực | | |
| GV: Giao nội dung và hướng dẫn việc làm bài tập ở nhà. | Học sinh ghi vào vở để thực hiện. | **Bài cũ**   * Xem lại bài học * Hoàn thiện bài 2c.   **Bài mới**   * Chuẩn bị kiểm tra học kì II. |

***Phần bổ sung, chỉnh sửa cho từng lớp:***

Tiết 70 *:* TRẢ BÀI KIỂM TRA CUỐI NĂM

I/ MỤC TIÊU:

***Qua bài này HS cần***:

**1. Kiến thức:**

- Tự sửa bài kiểm tra cuối năm

**2. Kĩ năng:**

- Có khả năng tự đánh giá, sửa sai bài làm của mình

**3. Thái độ:**

- Nghiêm túc và hứng thú học tập.

- Giáo dục tính cẩn thận và tầm quan trọng của bài thi cuối năm

- Rút kinh nghiệm cho đợt thi cuối năm, đề ra các biện pháp khắc phục và có ph­ương pháp học tập tốt hơn.

**4. Định hướng năng lực**

- Năng lực tính toán, giải quyết vấn đề, hợp tác, giao tiếp, tự học.

**II/ CHUẨN BỊ :**

Gv: Đáp án biểu điểm đề thi do trường ra, bài thi của HS

HS : Xem lại quá trình làm bài

**III/HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC:**

**1.Ổn định** (1 phút)

**2. Chữa – trả bài** (40 phút)

|  |  |
| --- | --- |
| **Phư­ơng pháp** | **Kiến thức cần đạt** |
| Gv: NX, đánh giá chất l­ượng bài kiểm tra  + Tuyên d­ương Hs đạt điểm cao  + Tuyên d­ương Hs có cách làm hay  Gv: NX những yếu kém còn tồn tại  + Những sai lầm Hs dễ mắc phải trong khi làm bài.  + HS bị điểm kém  Gv: kết hợp với Hs chữa bài kiểm tra phần đại số | **I. Nhận xét đánh giá chất l­ượng bài kiểm tra**  ***1. Ưu điểm.***  - Đa số Hs nắm vững kiến thức về  - Đa số Hs có điểm trên TB  ***2. Tồn tại***  - Sai lầm trong quá trình giải bài toán  - Trong quá trình lập luận còn có lỗi trình bày  - 1 vài HS còn bị điểm yếu - kém  **II. Chữa bài**  Đáp án : |
|  | **3. Nhắc nhở - rút kinh nghiệm**(4 phút)  - Chuẩn bị tốt kiến thức và làm đề cương ôn tập vào lớp10  - Chuẩn bị đầy đủ tài liệu tạo điều kiện cho việc ôn tập hè đạt hiệu quả |